VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :2610/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30**/ *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 10/26/2016
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	770	1.29%
2	BVH	300	1.96%
3	CII	750	2.12%
4	CTG	2,500	4.13%
5	DPM	700	1.87%
6	FLC	2,130	1.25%
7	FPT	1,540	6.38%
8	GAS	430	2.82%
9	GMD	680	1.77%
10	HAG	1,940	0.99%
11	HCM	230	0.62%
12	HNG	850	0.50%
13	HPG	2,080	7.90%
14	HSG	480	1.76%
15	ITA	2,070	0.94%
16	KBC	1,580	2.65%
17	KDC	550	1.90%
18	MBB	3,400	4.67%
19	MSN	1,360	8.61%
20	MWG	300	4.15%
21	NT2	380	1.26%
22	PPC	350	0.50%
23	PVD	780	1.95%
24	REE	830	1.64%
25	SBT	510	1.29%
26	SSI	1,510	3.06%
27	STB	5,030	4.39%
28	VCB	1,620	5.56%
29	VIC	2,350	9.63%

30	VNM	860	11.64%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,033,894,600

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,042,162,530

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 8,267,930

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do State the reason
BVH	75,020	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
HCM	31,130	HSC	Cổ phiếu quỹ/Treasury shares

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* **10/26/2016**	Kỳ này/This period **10/25/2016**	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	5	-5
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	42,300,000	42,300,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	10,390	10,450	-60
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	446,045,562,775	448,357,811,873	-2,312,249,098
của một lô ETF/per Creation Unit	1,042,162,530	1,047,564,981	-5,402,451
của một chứng chỉ quỹ/per Share	10,421.62	10,475.64	-54.02
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	668.2	671.43	-3.23

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc/CEO